

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Cao;

Ông Nguyễn Ngọc Ân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hà Thảo Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B7/29 Tổ X, thị trấn T, huyện B, TP.HCM.

Chỗ ở: Số 42C Ấp Y, xã T, huyện B, tỉnh Long An. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B7/29 Tổ X, thị trấn T, huyện B, TP.HCM.

Chỗ ở: Số 71, Lô 2, Ấp Z, xã M, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn S trình bày:*

Ông Nguyễn Tấn S và bà Lê Thị H xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/02/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông S và bà H có 03 người con chung tên là Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 09/12/2005, Nguyễn Tấn Phước, sinh ngày 23/10/2013 và Nguyễn Ngọc Phúc, sinh ngày 20/6/2016. Sau khi ly hôn, ông S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông S xác định không có nợ chung.

Bị đơn là bà Lê Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do. Bà H cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu ly hôn của ông S. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn S, bà H được ly hôn với ông S.

Về con chung: Giao 03 người con chung tên là Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 09/12/2005, Nguyễn Tấn Phước, sinh ngày 23/10/2013 và Nguyễn Ngọc Phúc, sinh ngày 20/6/2016 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Tấn S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Ông Nguyễn Tấn S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Lê Thị H được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông S thấy rằng: Ông Nguyễn Tấn S và bà Lê Thị H xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Hiện tại, ông S không còn tình cảm với bà H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bà H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai. Tuy nhiên, bà H không đến và cũng không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc ông S có yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông S và bà H mâu thuẫn đã lâu. Trong khoảng thời gian này, ông bà không thể đoàn tụ được. Trong thời gian không còn sống chung, ông bà không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông S là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông S và bà H có 03 người con chung tên là Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 09/12/2005, Nguyễn Tấn Phước, sinh ngày 23/10/2013 và Nguyễn Ngọc Phúc, sinh ngày 20/6/2016. Sau khi ly hôn, ông S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu do ông S nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Quá trình ông S nuôi dưỡng các cháu là đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu, nên giao ông S tiếp tục nuôi dưỡng các cháu là phù hợp, quyết định giao cho ông S nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu là muốn sống chung với ông S khi cha mẹ ly hôn. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không có văn bản trình bày vấn đề này, ông S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn S đối với bà Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn S được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Tấn S trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên là Nguyễn Thanh Ngọc, sinh ngày 09/12/2005, Nguyễn Tấn Phước, sinh ngày 23/10/2013 và Nguyễn Ngọc Phúc, sinh ngày 20/6/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nên bà H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009499, ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Tấn S đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;

- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn T,  
huyện B, TP.HCM.  
(Số 13 ngày 15/02/2005);
- Đương sự;
- Lưu./.

**Đoàn Thanh Lâm**

